

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 186/2023/DS-ST

Ngày 15/9/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và đòi tiền huê*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiên Dũng

Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 và 382a/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền huê*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2023/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 208/2023/QĐST- DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều N - Sinh năm: 1977, địa chỉ: Thôn A, xã C bur, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Uyên C - Sinh năm: 1975, địa chỉ: Thôn B, xã C bur, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Tiến D, địa chỉ: Thôn B, xã C bur, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên**

đơn trình bày:

Theo Đơn khởi kiện, bà Lê Thị Kiều N - Sinh năm: 1977, địa chỉ: Thôn A, xã C bur, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk khởi kiện yêu cầu buộc bà Trần Thị Uyên C và ông Lê Tiến D trả số tiền 181.300.000đồng và lãi tạm tính từ ngày 20/5/2023 đến 16/6/2023 là 28 ngày x 181.300.000đồng x 10%/1 năm = 1.410.111đồng. Tổng gốc và lãi là 182.710.111đồng. Ngày 05/7/2023, bà Lê Thị Kiều N nộp Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu buộc bà Trần Thị Uyên C và ông Lê Tiến D trả số tiền 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng) theo giấy vay ngày 10/3/2023, không yêu cầu lãi.

Ngày 10/8/2023, bà Lê Thị Kiều N thay đổi một phần và xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Bà Lê Thị Kiều N yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị U Chi trả tổng số tiền nợ gốc là 581.300.000đồng (Năm trăm tám mươi một triệu ba trăm ngàn đồng), không yêu cầu ông Lê Tiến D liên đới trả nợ và không yêu cầu về lãi suất.

**** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn là bà Trần Thị Uyên C trình bày:***

Đối với số tiền 181.300.000đồng (Một trăm tám mươi một triệu ba trăm ngàn đồng) bà C nợ bà N theo giấy vay ngày 20/5/2023 và số tiền 400 triệu theo giấy vay ngày 10/3/2023, hạn đến tháng 7 trả. Tuy nhiên hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên bà C chưa có tiền để trả tổng số tiền 581.300.000đồng cho bà N. Đối với các khoản vay trên thì các bên không thỏa thuận về lãi, việc vay nợ thì giữa bà C với bà N không liên quan đến ông Lê Tiến D. Toàn bộ nội dung theo giấy vay ngày 20/5/2023 và giấy vay ngày 10/3/2023 do bà C viết nội dung và ký tên. Khi nào bán được đất thì bà C sẽ trả nợ cho bà N. Số tiền 181.300.000đồng (Một trăm tám mươi một triệu ba trăm ngàn đồng) là tiền huê 21 người, lý do là bà C chưa lấy dây những người chơi nên chưa thanh toán cho bà N. Đối với những người chơi huê tôi sẽ đưa danh sách và địa chỉ cho Tòa án sau 30 ngày.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị Uyên C phải trả cho bà Lê Thị Kiều N tổng số tiền nợ gốc là 581.300.000đồng (Năm trăm tám mươi một triệu ba trăm ngàn đồng), bà N không yêu cầu trả lãi.

- *Về án phí:* Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị Kiều N yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị U Chi trả tổng số tiền nợ gốc là 581.300.000đồng, trong đó có 181.300.000đồng tiền huê và 400.000.000đồng tiền vay. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền huê thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn là bà Trần Thị Uyên C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Tiến D vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về số tiền vay: Tại Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 10/8/2023 và tại phiên tòa bà Lê Thị Kiều N thay đổi một phần và xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Bà Lê Thị Kiều N yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị U Chi trả số tiền nợ gốc là 581.300.000đồng (Năm trăm tám mươi một triệu ba trăm ngàn đồng), không yêu cầu ông Lê Tiến D liên đới trả nợ và không yêu cầu về lãi suất.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên đều thừa nhận số tiền nợ gốc còn nợ là 581.300.000đồng (Năm trăm tám mươi một triệu ba trăm ngàn đồng). Đối với quan điểm của bị đơn bà Trần Thị U Chi xin được bán đất trả dần và do là bà C chưa lấy đây những người chơi nên chưa thanh toán cho bà N, nhưng việc trả dần không được bà Lê Thị Kiều N đồng ý và số tiền huê 181.300.000đồng đã được bà C tự nguyện chốt nợ tại giấy vay ngày 20/5/2023, tại phiên tòa bà N giữ nguyên yêu cầu buộc bà Trần Thị Uyên C phải trả cho bà N tổng số tiền nợ gốc 581.300.000đồng (Năm trăm tám mươi một triệu ba trăm ngàn đồng), không yêu cầu ông Lê Tiến D liên đới trả nợ và không yêu cầu về lãi suất. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Kiều N để buộc bà Trần Thị Uyên C phải trả cho bà N tổng số tiền nợ gốc 581.300.000đồng (Năm trăm tám mươi một triệu ba trăm ngàn đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Uyên C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: 20.000.000đồng + (181.300.000đồng x 4%) = 27.252.000đồng.

Nguyên đơn Bà Lê Thị Kiều N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Bà Lê Thị Kiều N.

- Buộc bà Trần Thị Uyên C phải trả cho bà Lê Thị Kiều N tổng số tiền nợ gốc là 581.300.000đồng (Năm trăm tám mươi một triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Uyên C phải chịu số tiền 27.252.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Bà Lê Thị Kiều N số tiền 4.568.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0002836 ngày 20/6/2023 và số tiền 10.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0002964 ngày 07/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP . BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh